

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17/5/2024

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quang Huy.

Ông Nguyễn Trọng Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Lập Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn - TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thanh Th**, sinh năm 1978;

Nơi ĐKKHKT: Thôn PT, xã BP, huyện Sóc Sơn, Hà Nội;

Nơi cư trú: Trường F, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Bị đơn: **Anh Trần Xuân G**, sinh năm 1977;

Nơi ĐKKHKT: Thôn PT, xã BP, huyện Sóc Sơn Hà Nội;

Nơi cư trú: Trường F, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Có mặt chị Th, vắng mặt anh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Xuân G tìm hiểu khoảng 01 năm rồi kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã BP, huyện Sóc Sơn, Hà Nội ngày 31/12/2001. Sau khi kết hôn, chị chuyển về sống chung cùng gia đình anh G tại thôn PT, xã BP, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội được khoảng 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng tại nhà của bố mẹ đẻ chị ở Khu tập thể Trường F. Quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, xô sát, anh G không có trách nhiệm với vợ con, chỉ thỉnh thoảng đóng học phí cho con gái, toàn bộ các khoản chi tiêu trong gia đình do chị lo toan, đồng thời anh G còn thường xuyên rượt chèn về chửi bới vợ con. Chị và gia đình đã khuyên nhủ rất nhiều nhưng anh G không thay đổi, ngày càng vô trách nhiệm, chơi bời, chửi bới, thậm chí còn đánh đập chị thâm tím mặt mũi. Chị đã nhiều lần gửi đơn ly hôn anh G, lần gần đây nhất là năm 2019 nhưng do chị thương con nên lại rút đơn về. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau. Nay chị không còn tình cảm gì với anh G, cuộc sống chung không hạnh phúc, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh G để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Hà A, sinh ngày 09/9/2004 và Trần Hùng A, sinh ngày 06/3/2007. Hiện cháu Hà A đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Hùng A, ly hôn đặt ra, chị xin nuôi con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu Hùng A muốn sống cùng anh G thì chị đồng ý và chị xin cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Hiện chị là giáo viên Trường F, thu nhập bình quân của chị là 7.700.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Chị sống chung cùng gia đình anh G 1 năm nhưng không có đóng góp gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là anh Trần Xuân G:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nhiều lần triệu tập anh G nhưng anh G không đến Tòa làm việc. Tòa án đã phối hợp với UBND xã BP và UBND xã Đông Xuân đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của anh G nhưng anh G vắng nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh G.

Tiến hành xác minh tại gia đình anh Trần Xuân G, ông Trần Minh Chi - bố đẻ của anh G cho biết: Năm 2001, anh G và chị Th kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã BP. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh G chung sống cùng gia đình ông khoảng 01 tháng thì vợ chồng chuyển về sống tại Khu tập thể Trường F thuộc xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, thỉnh thoảng vợ chồng anh G về thăm bố mẹ hoặc có công việc gì thì mới về. Quá trình chung sống đến nay, ông không thấy vợ chồng khúc mắc gì, anh G và chị Th cũng không nói gì với ông. Anh G hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ của gia đình ông nhưng chủ yếu sống cùng vợ con tại xã Đông Xuân. Nay chị Th xin ly hôn anh G, gia đình mong muốn anh chị hòa đoàn tụ cho các con đỡ khổ, nếu không được thì do anh chị tự quyết định.

Về con: Anh chị có con chung 02 con chung là Trần Hà A, sinh năm 2004 và Trần Hùng A, sinh năm 2007. Nếu anh chị ly hôn thì việc các con ở với ai do anh chị tự quyết định.

Về tài sản và các vấn đề khác của anh chị, ông không nắm được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh chị Nguyễn Thị Thanh Th. Cho chị Nguyễn Thị Thanh Th ly hôn anh Trần Xuân G.

- Về con chung: Đối với cháu Trần Hà A, sinh ngày 09/9/2004 đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không giải quyết. Đối với cháu Trần Hùng A, sinh ngày 06/3/2007, giao cho chị Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Anh Trần Xuân G đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn PT, xã BP, huyện Sóc Sơn Hà Nội và cư trú tại Trường F, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh G nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh G vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh G.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Th và anh Trần Xuân G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 2001 ngày 31/12/2001. Hôn nhân giữa chị Th và anh G là hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị Th cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Sau khi kết hôn, chị Th, anh G chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm và chia sẻ được với nhau các vấn đề trong cuộc sống, chị Th và anh G đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập và tiến hành hòa giải cho chị Th, anh Gianh nhưng anh G đều vắng mặt, thể hiện thái độ bỏ mặc, không hợp tác nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời qua xác minh tại địa phương, nơi anh chị cư trú thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị Th, anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh G là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị Th, anh G có 02 con chung là Trần Hà A, sinh ngày 09/9/2004 và Trần Hùng A, sinh ngày 06/3/2007.

Đối với cháu Hà A: Chị Th xác định cháu Hà A đã trưởng thành, khỏe mạnh và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Xét yêu cầu xin nuôi cháu Hùng A của chị Th, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không lấy được lời khai của anh G nên không xác định được quan điểm của G về vấn đề con chung. Tuy nhiên căn cứ vào điều

kiện thực tế thì chị Th có nơi cư trú và thu nhập ổn định để đảm bảo cuộc sống của bản thân và nuôi con, đồng thời cháu Hùng A đang sống ổn định cùng chị Th và có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ. Do đó để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần, tránh những xáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến tâm lý trẻ nên giao cháu Hùng A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Tuy nhiên, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí: chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của tại Điều 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điều 143, 147, 227, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 25, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh chị Nguyễn Thị Thanh Th. Cho chị Nguyễn Thị Thanh Th ly hôn anh Trần Xuân G.

2. Về con chung: Chị Th, anh G có 02 con chung là Trần Hà A, sinh ngày 09/9/2004 và Trần Hùng A, sinh ngày 06/3/2007.

Đối với cháu Trần Hà A đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không đặt ra giải quyết.

Giao con chung là Trần Hùng A cho chị Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định có hiệu lực pháp luật khác của Tòa án thay thế.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thanh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Xuân G được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thanh Th không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo biên lai thu số: 0022188 ngày 25/12/20230.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyễn Thị Thanh Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Xuân G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận

- Đương sự;
- TAND. thành phố Hà Nội;
- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- THA. huyện Sóc Sơn;
- UBND. xã BP, Sóc Sơn, Hà Nội;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 2001 ngày 19/6/2020);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng